

Phụ lục VI
DANH MỤC SẢN PHẨM QUÂN PHỤC CẤP GIẤY PHÉP GIA CÔNG XUẤT
KHẨU CHO CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Nghị định số 292/2026/NĐ-CP
ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ)

1. Các trường hợp liệt kê mã HS 4 số thì áp dụng đối với toàn bộ các mã HS 8 số thuộc nhóm 4 số này.
2. Các trường hợp liệt kê cả mã HS 4 số và mã HS 6 số thì áp dụng đối với toàn bộ các mã HS 8 số thuộc phân nhóm 6 số đó.
3. Các trường hợp ngoài mã HS 4 số và 6 số còn chi tiết đến mã HS 8 số thì chỉ áp dụng đối với các mã HS 8 số đó.

Mã hàng		Mô tả hàng hoá
Chương 61	61.01	Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.03.
	61.02	Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.04.
	61.03	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.
	61.04	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.
	61.05	Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.
	61.06	Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt-blouse) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.
	61.10	Áo bó, áo chui đầu, áo cardigan, gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc.

	61.12	Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và bộ quần áo bơi, dệt kim hoặc móc.
		- Bộ quần áo thể thao:
	6112.11.00	- - Từ bông
	6112.12.00	- - Từ sợi tổng hợp
	6112.19.00	- - Từ các vật liệu dệt khác
	6112.20.00	- Bộ quần áo trượt tuyết
	61.13	Quần áo được may từ các loại vải dệt kim hoặc móc thuộc nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07.
	61.14	Các loại quần áo khác, dệt kim hoặc móc.
Chương 62	62.01	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03.
	62.02	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, trừ loại thuộc nhóm 62.04.
	62.03	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai.
	62.04	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.
	62.05	Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai.
	62.06	Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt-blouses) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.
	62.10	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07.
	62.11	Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và quần áo bơi; quần áo khác.

	6211.20.00	- Bộ quần áo trượt tuyết
		- Quần áo khác, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai:
	6211.32	- - Từ bông:
	6211.32.90	- - - Loại khác
	6211.33	- - Từ sợi nhân tạo:
	6211.33.20	- - - Quần áo chống cháy
	6211.33.30	- - - Quần áo chống các chất hóa học hoặc phóng xạ
	6211.33.90	- - - Loại khác
	6211.39	- - Từ vật liệu dệt khác:
	6211.39.20	- - - Quần áo chống cháy
	6211.39.30	- - - Quần áo chống các chất hóa học hoặc phóng xạ
	6211.39.90	- - - Loại khác
		- Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:
	6211.42	- - Từ bông:
	6211.42.90	- - - Loại khác
	6211.43	- - Từ sợi nhân tạo:
	6211.43.30	- - - Bộ quần áo bảo hộ chống nổ
	6211.43.50	- - - Quần áo chống các chất hóa học, phóng xạ hoặc chống cháy
	6211.43.90	- - - Loại khác
	6211.49	- - Từ các vật liệu dệt khác:
	6211.49.20	- - - Quần áo chống các chất hóa học, phóng xạ hoặc chống cháy
	6211.49.60	- - - Loại khác, từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn
	6211.49.90	- - - Loại khác
Chương 65	6504.00.00	Các loại mũ và các vật đội đầu khác, được làm bằng cách tết hoặc ghép các dải làm bằng chất liệu bất kỳ, đã hoặc chưa có lót hoặc trang trí, đã hoặc chưa có lót hoặc trang trí.
	65.05	Các loại mũ và các vật đội đầu khác, dệt kim hoặc móc, hoặc làm từ ren, nỉ hoặc vải dệt khác, ở dạng mảnh (trừ dạng dải),

		đã hoặc chưa lót hoặc trang trí; lưới bao tóc bằng vật liệu bất kỳ, đã hoặc chưa có lót hoặc trang trí.
	6505.00.90	- Loại khác
	65.06	Mũ và các vật đội đầu khác, đã hoặc chưa lót hoặc trang trí.